

**DANH SÁCH HỌC VIÊN LỚP TRUNG CẤP LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ - HÀNH CHÍNH
HỆ KHÔNG TẬP TRUNG, KHÓA HỌC 2019 - 2020, MỞ TẠI HUYỆN KRÔNG PẮC**

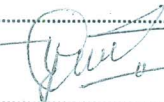
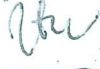
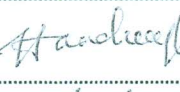
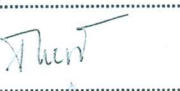
Thi phần I.1: Những vấn đề cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lê Nin

Ngày thi: 07 tháng 10 năm 2019; Thời gian làm bài: ... 150 phút

Địa điểm thi : Trung tâm BDCT huyện Krông Pắc

SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số tờ	Ký nộp bài	Số phách	Điểm số	Điểm chữ
01	Phạm Thị Ngọc Ánh	04/9/1989	02		20	7.25	Bảy, hai năm
02	Dương Kim Bảo	01/01/1974	02		16	7.25	Bảy, hai năm
03	Lâm Văn Chung	07/10/1980	02		4	7.0	Bảy
04	Phạm Văn Chương	19/8/1968	01		71	7.25	Bảy, hai năm
05	Lê Ngọc Chương	10/10/1974	02		55	6.5	Sáu năm
06	Huỳnh Thị Đào	26/05/1986	03		36	7.25	Bảy, hai năm
07	Nguyễn Thị Dung	09/01/1969	02		78	6.75	Sáu, bảy năm
08	Trần Hùng Dũng	24/7/1974	02		68	6.75	Sáu, bảy năm
09	Văn Công Dũng	25/6/1980	02		77	6.75	Sáu, bảy năm
10	Ngô Quốc Duy	02/09/1986	02		144	7.25	Bảy, hai năm
11	Lê Danh Giáp	25/08/1984	02		30	7.75	Bảy, bảy năm
12	Hoàng Thị Hào	23/10/1982	03		33	7.75	Bảy, bảy năm
13	Lê Thị Hoa	19/12/1985	03		7	8.0	Tám
14	Nguyễn Thị Hòa	22/12/1987	02		53	6.75	Sáu, bảy năm
15	Võ Đức Hòa	04/04/1979	02		65	6.5	Sáu năm
16	Trịnh Phúc Hòa	11/7/1976	02		72	6.75	Sáu, bảy năm
17	Trần Quốc Hoan	17/12/1981	02		67	6.5	Sáu năm
18	Nguyễn Huy Hoàng	01/3/1972	03		27	7.5	Bảy, năm

SBD	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Số tờ	Ký nộp bài	Số phách	Điểm số	Điểm chữ
19	Nguyễn Thị	Hồng	18/11/1969	02		10	70	Bảy
20	Ai	Hồng	16/3/1986	02		25	75	Bảy, 1 năm
21	Nguyễn Thị	Huệ	19/2/1969	02		6	80	Tám
22	Huỳnh Văn	Hùng	27/01/1963	02		34	70	Bảy
23	Nguyễn Khắc	Hùng	01/11/1971	02		13	75	Bảy, 1 năm
24	Nguyễn Thị Thu	Hương	03/7/1978	02		32	72.5	Bảy, hai năm
25	Nhâm Thị Thanh	Hương	20/10/1978	02		60	70	Bảy
26	Hồ Quang	Huy	20/6/1983	02		50	75	Bảy, 1 năm
27	Nguyễn Bình	Huy	15/10/1980	02		70	67.5	Sáu, bảy năm
28	Nguyễn Thị Mai	Ka	06/01/1986	02		69	67.5	Sáu, bảy năm
29	H' Bách Niê	Kđăm	01/06/1982	1		75	67.5	Sáu, bảy năm
30		Khê	02/4/1985	02		28	70	Bảy
31	Triệu Thị Thúy	Kiều	09/12/1988	02		19	77.5	Bảy, bảy năm
32	Bùi Thị	Kim	15/5/1974	02		9	75	Bảy, 1 năm
33	Nguyễn Thị	Lanh	07/01/1984	03		14	77.5	Bảy, bảy năm
34	Lê Xuân	Lập	15/01/1976	03		2	75	Bảy, năm
35	Nguyễn Thị	Liệu	06/8/1971	02		5	72.5	Bảy, hai năm
36	Trần Văn	Linh	08/4/1974	02		19	75	Bảy, 2 năm
37	Nguyễn Thị Cẩm	Loan	19/4/1985	02		14	75	Bảy, năm
38	Võ Thanh	Lộc	10/01/1982	02		1	77.5	Bảy, bảy năm
39	Phạm Quang	Minh	21/9/1986	02		42	80	Tám
40	Võ Văn	Minh	30/03/1975	02		59	72.5	Bảy, hai năm
41	Nguyễn Thị	Minh	02/8/1985	02		15	77.5	Bảy, bảy năm

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số tờ	Ký nộp bài	Số phách	Điểm số	Điểm chữ
42	Y GriK	MIô	02		24	7.0	Đầy
43	Trần Xuân	Nghĩa	02		64	7.0	Đầy
44	Đặng Thị Thanh	Nhân	02		18	7.25	Đầy, hai năm
45	Hồ Văn	Nhân	02		62	6.25	Sau, hai năm
46	Dương Thùy	Nhận	02		92	7.25	Đầy, hai năm
47	Hùng Trịnh Minh	Nhật	03		8	8.0	Đầy
48	H Ma Đa La	Niê	03		38	7.75	Đầy, hai năm
49	Lý Thị	Nương	02		23	8.0	Đầy
50	Trần Đức	Phong	02		37	7.25	Đầy, hai năm
51	Nguyễn Hữu	Son	02		35	7.0	Đầy
52	Nguyễn Thị Thu	Sương	02		57	7.25	Đầy, hai năm
53	Nguyễn Thành	Tân	02		51	7.5	Đầy, hai năm
54	Nguyễn Tắt	Thắng	02		12	7.25	Đầy, hai năm
55	Phan Thị	Thanh	02		39	7.25	Đầy, hai năm
56	Nguyễn Trung	Thành	02		73	7.0	Đầy
57	Hồ	Thành	02		54	6.25	Sau, hai năm
58	Nguyễn Trung	Thành	03		74	7.25	Đầy, hai năm
59	Nguyễn Thị	Thìn	02		40	7.75	Đầy, hai năm
60	Nguyễn Hữu	Thủy	02		63	7.25	Đầy, hai năm
61	Phan Thị Mỹ	Tiên	02		48	7.25	Đầy, hai năm
62	Võ Hữu	Tín	02		29	7.0	Đầy
63	Võ Thị Bích	Trâm	03		66	7.25	Đầy, hai năm
64	Hồ Thị Thủy	Trâm	02		17	7.5	Đầy, hai năm

SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số tờ	Ký nộp bài	Số phách	Điểm số	Điểm chữ
65	Nguyễn Thị Thu Trang	14/9/1984	03		31	8.0	Tám
66	Hoàng Hải Triều	09/10/1969	02		3	7.0	Bảy
67	Võ Hữu Trung	02/8/1989	02		21	7.25	Bảy, hai năm
68	Lê Thanh Trung	17/06/1986	03		26	7.5	Bảy, năm
69	Cao Văn Tụ	10/5/1968	02		41	8.25	Tám, hai năm
70	Đặng Hữu Tự	02/5/1979	02		45	7.5	Bảy, năm
71	Trịnh Xuân Tuấn	20/12/1975	02		56	6.75	Sáu, bảy năm
72	Đào Hữu Tùng	11/4/1965	02		47	7.5	Bảy, năm
73	Phùng Thị Ánh Tuyết	30/01/1974	02		52	7.5	Bảy, năm
74	Trần Thị Thu Vân	10/02/1981	02		76	6.75	Sáu, bảy năm
75	Nguyễn Văn Việt	24/7/1987	02		46	7.5	Bảy, năm
76	Trần Thị Xuân	28/10/1976	02		43	7.75	Bảy, bảy năm
77	Nguyễn Thành Xuân	25/3/1986	02		58	7.0	Bảy
78	Trần Ngọc Yên	23/01/1984	02		61	6.5	Sáu, năm

Tổng số: 16.5 tờ/ 78 bài

GIÁM THỊ 1

Nguyễn Văn Sĩ

Ngày 21 tháng 10 năm 2019

NGƯỜI KIỂM TRA VÀO PHÁCH VÀ ĐIỂM

GIÁM THỊ 2

Đoàn Thị Mai
Ngày 16 tháng 10 năm 2019
NGƯỜI VÀO ĐIỂM

Nguyễn Văn Sĩ



ThS. Ngô Sáu

TRƯỞNG PHÒNG QLĐT & NCKH

Ngô Hữu Thuận

Đoàn Thị Mai
TRƯỞNG KHOA